

MÔN TOÁN

A. THÔNG KÊ & XÁC SUẤT

Bài 1. Nhà bạn Mai mở tiệm kem, bạn ấy muốn tìm hiểu về các loại kem yêu thích của 27 khách hàng trong tối thứ bảy và thu được kết quả như sau:
Tờ bảng kiểm đếm của bạn Mai, em hãy cho biết:

Loại kem	Kiểm đếm
Dâu	PP PP
Khoai môn	PP
Sầu riêng	P
Sô cô la	PP P
Vani	PP
: 1 người	

- Mai đang điều tra về vấn đề gì? Nêu đối tượng thống kê và tiêu chí thống kê.
- Hãy lập bảng dữ liệu thống kê tương ứng và cho biết loại kem nào được mọi người yêu thích nhất.
- Tính tỉ lệ phần trăm giữa số khách hàng thích kem dâu so với tổng số khách hàng được điều tra.
- Sau khi điều tra, bạn Mai thông báo số khách hàng thích kem dâu nhiều hơn số khách hàng thích sầu riêng và khoai môn là 2 người. Thông báo đó của Mai có đúng không?

Bài 2.

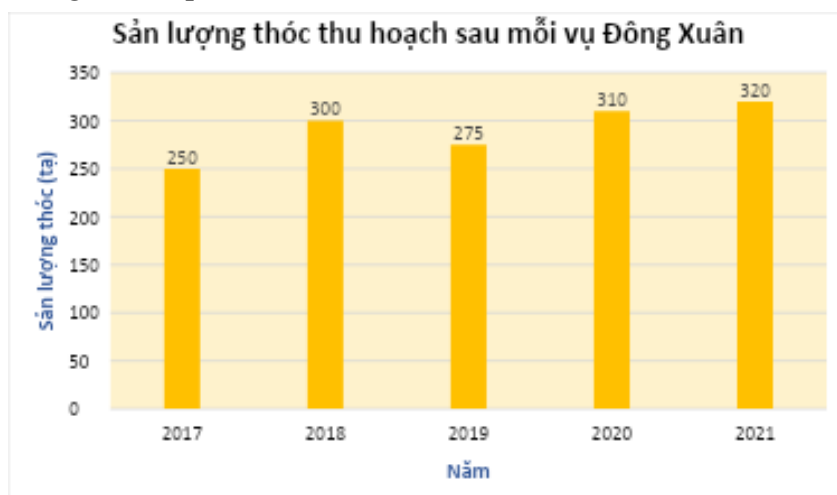
Biểu đồ tranh hình bên cho biết số quyển vở của cửa hàng sách - thiết bị trong tuần (cửa hàng nghỉ bán thứ bảy và chủ nhật). Cho biết:

a) Ngày bán được nhiều cuốn vở nhất? Ngày bán được ít cuốn vở nhất?

b) Tính tổng số vở bán được trong tuần

Thứ	Số vở
Hai	
Ba	
Tư	
Năm	
Sáu	
 = 10 cuốn vở;  = 5 cuốn vở	

Bài 3. Biểu đồ dưới đây cho biết sản lượng thóc nhà bác An thu hoạch được sau mỗi vụ Đông Xuân qua các năm

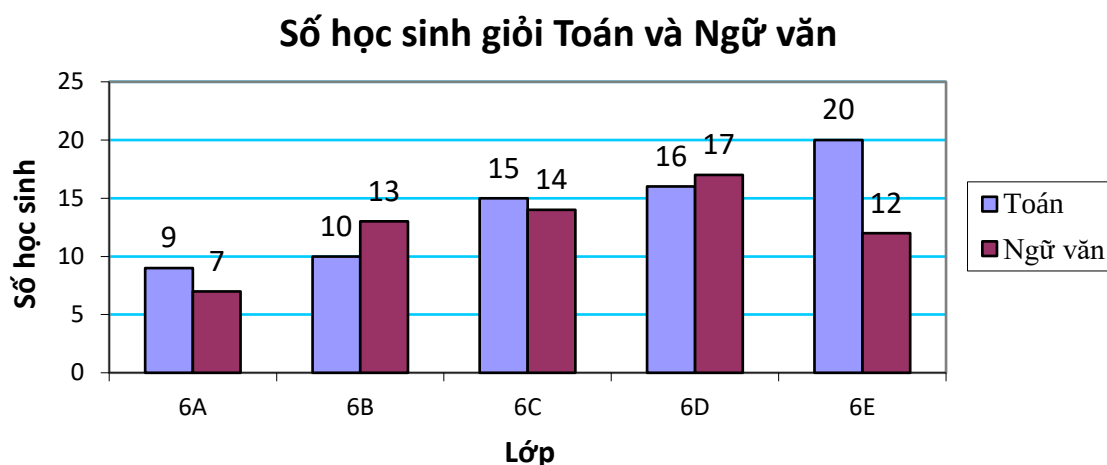


a) Năm nào nhà bác An thu hoạch được nhiều thóc nhất và sản lượng nhiều nhất là bao nhiêu? Năm nào thu hoạch được ít thóc nhất và sản lượng ít nhất là bao nhiêu?

b) So sánh sản lượng thóc nhà bác An thu hoạch được năm 2018 và năm 2020

c) Tính tổng sản lượng thóc nhà bác An thu hoạch được trong 5 năm. Từ đó tính trung bình sản lượng thóc thu hoạch được trong mỗi năm.

Bài 4. Biểu đồ kép dưới đây biểu diễn số học sinh giỏi hai môn Toán và Ngữ văn của các lớp 6A, 6B, 6C, 6D và 6E



a) Số học sinh giỏi Toán của lớp nào nhiều nhất? ít nhất?

b) Số học sinh giỏi Ngữ văn của lớp nào nhiều nhất? ít nhất?

c) Số học sinh giỏi Toán của lớp 6E chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng số học sinh giỏi môn Toán của cả 5 lớp?

d) Số học sinh giỏi Ngữ văn của lớp 6A chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng số học sinh giỏi môn Toán của cả 5 lớp?

e) Bạn Nam nói lớp 6D có số học sinh là 34 học sinh. Theo em, bạn Nam nói đúng không? Vì sao?

Bài 5.

a) Nếu tung đồng xu 15 lần liên tiếp, có 8 lần xuất hiện mặt N, thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N bằng bao nhiêu?

b) Nếu tung đồng xu 17 lần liên tiếp, có 6 lần xuất hiện mặt S thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N bằng bao nhiêu?

Bài 6. Một hộp có 4 thẻ bài kích thước như nhau có in chữ, lần lượt là: X, V, T, N . Lấy ngẫu nhiên một thẻ trong hộp, viết các kết quả có thể xảy ra khi lấy ngẫu nhiên một thẻ bài trong hộp?

a) Nêu những kết quả có thể xảy ra đối với chữ in trên thẻ bài.

b) Chữ in trên thẻ bài có phải là phần tử của tập hợp $\{X; N; V; T\}$.

c) Viết tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với chữ in trên thẻ bài.

d) Nêu hai điều cần chú ý trong mô hình xác suất của trò chơi trên.

B. PHÂN SỐ

Bài 7. Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta một phân số, cách viết nào không cho ta một phân số? $\frac{-1}{2}; \frac{0}{-5}; -3; \frac{7,5}{4}; \frac{105}{-88}; \frac{-7}{0,25}$.

Bài 8. Cặp phân số sau có bằng nhau không? Vì sao?

a) $\frac{1}{-5}$ và $\frac{-3}{15}$ b) $\frac{25}{-10}$ và $\frac{15}{-2}$ c) $\frac{23}{99}$ và $\frac{2323}{9999}$

Bài 9. Rút gọn các phân số sau:

a) $\frac{12}{24}$ b) $\frac{-24}{45}$ c) $\frac{36}{-48}$ d) $\frac{4.7}{9.32}$

e) $\frac{3.21}{14.15}$ f) $\frac{5.2.13}{26.35}$ g) $\frac{9.6-9.3}{18}$ h) $\frac{17.5-17}{3-20}$

Bài 10. Quy đồng mẫu các phân số sau:

a) $\frac{1}{5}$ và $\frac{8}{9}$ b) $\frac{36}{42}$ và $\frac{-12}{84}$ c) $\frac{-15}{50}; \frac{9}{10}$ và $\frac{26}{-30}$

d) $\frac{-2}{21}$ và $\frac{5}{-24}$ e) $\frac{7}{-15}; \frac{-8}{-25}; \frac{11}{-75}$ f) $\frac{-8}{-45}; \frac{13}{-180}; \frac{-4}{-30}$

Bài 11. Tìm x , biết :

a) $\frac{x}{2} = \frac{2}{4}$ b) $\frac{x+2}{4} = \frac{3}{6}$ c) $\frac{x}{5} = \frac{5}{x}$

d) $x + \frac{1}{3} = \frac{5}{6} - \frac{2}{9}$ e) $x \cdot \frac{3}{7} = \frac{21}{5} - \frac{2}{7}$ f) $x : \frac{5}{9} = \frac{-18}{35} \cdot \frac{7}{2}$

Bài 12. Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể)

a) $\frac{3}{8} - \frac{7}{8}$ e) $\frac{1}{4} \cdot \frac{7}{3} \cdot (-12)$ i) $\frac{2}{9} + \frac{-3}{10} + \frac{-7}{10} + \frac{16}{9}$

b) $\frac{3}{4} - \frac{7}{32}$ f) $\frac{4}{7} : \left(\frac{1}{2} \cdot \frac{-7}{5} \right)$ k) $\frac{-11}{6} + \frac{2}{5} + \frac{-1}{6} + \frac{13}{5}$

c) $\frac{-3}{4} + 1$ g) $\frac{3}{2} - \frac{5}{3} + \frac{1}{4}$ l) $\frac{-5}{9} \cdot \frac{13}{28} - \frac{13}{28} \cdot \frac{4}{9}$

d) $1 - \frac{5}{12}$ h) $\frac{3}{13} + \frac{-3}{7} + \frac{10}{13} + \frac{-4}{7}$ m) $\frac{5}{7} \cdot \frac{5}{11} + \frac{5}{7} \cdot \frac{2}{11} - \frac{5}{7} \cdot \frac{14}{11}$

Bài 13. Viết các số đo thời gian sau đây theo đơn vị giờ, dưới dạng phân số tối giản.

a) 20 phút. b) 45 phút. c) 90 phút.

Bài 14. a) Viết các phân số sau dưới dạng hỗn số: $\frac{22}{4}; \frac{17}{6}; \frac{33}{9}$.

b) Viết các hỗn số sau dưới dạng phân số: $1\frac{3}{4}; 2\frac{4}{5}; 5\frac{1}{9}$.

Bài 15. Lớp 6B có $\frac{4}{5}$ số học sinh thích học Toán, $\frac{7}{10}$ số học sinh thích học Văn, $\frac{23}{25}$ số học sinh thích học Anh. Môn học nào được nhiều bạn học sinh lớp 6B yêu thích nhất?

Bài 16. Hai vòi nước cùng chảy vào một bể cạn. nếu chảy một mình thì vòi A chảy 5 giờ mới đầy bể, vòi B chảy 4 giờ mới đầy bể. Hỏi cả hai vòi cùng chảy trong 1 giờ thì chảy được bao nhiêu phần của bể?

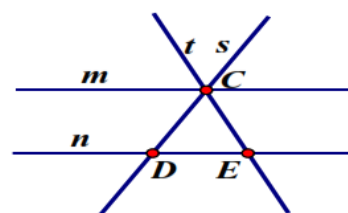
Bài 17. Bác An có một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài $\frac{12}{5}m$ và chiều rộng $\frac{10}{21}m$.

Tính chu vi và diện tích mảnh vườn hình chữ nhật của bác An.

C. HÌNH HỌC

Bài 18. Cho hình vẽ bên, kể tên:

- Các cặp đường thẳng cắt nhau tại C?
- Các cặp đường thẳng song song?



Bài 19. Dùng kí hiệu để ghi các cách diễn đạt sau đây rồi vẽ hình minh họa.

- Điểm A và điểm B không nằm trên đường thẳng d còn điểm C nằm trên đường thẳng d
- Đường thẳng a chứa điểm M và không chứa điểm N.
- Điểm O nằm trên hai đường thẳng m và n còn điểm P chỉ thuộc đường thẳng m.

Bài 20. Vẽ hình theo cách diễn đạt sau:

- Điểm A nằm giữa hai điểm B và C, điểm A nằm giữa hai điểm M và N, 3 điểm A, B, M không thẳng hàng
- Điểm A thuộc các đường thẳng m, n. Điểm B thuộc đường thẳng m, không thuộc n. Điểm C thuộc đường thẳng n, không thuộc m. Điểm D nằm giữa hai điểm B và C.

Bài 21. Cho I là trung điểm của đoạn thẳng AB, biết $IA = 2cm$. Tính độ dài đoạn thẳng AB?

Bài 22. Vẽ đoạn thẳng $AB = 10cm$. Lấy điểm C thuộc đoạn thẳng AB sao cho $AC = 8cm$. Lấy điểm N nằm giữa A và C sao cho C là trung điểm của BN. Tính NC và NB

Bài 23. Vẽ đoạn thẳng $AB = 30cm$, và điểm C thuộc AB, sao cho $BC = \frac{1}{2}AC$.

- Tính độ dài các đoạn AC, CB.
- Lấy điểm M sao cho C là trung điểm của đoạn thẳng BM. Chứng tỏ điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AC.

Bài 24. Nhà Tùng cách trường học $2500m$. Hằng ngày trên đường đến trường, Tùng phải đi qua một Trạm xăng dầu, sau đó đến một cửa hàng sách nằm cách trường khoảng $700m$. Hỏi quãng đường từ trạm xăng dầu đến cửa hàng sách dài bao nhiêu mét? Biết rằng trạm xăng dầu nằm ở chính giữa nhà Tùng và trường học.

D. Một số bài tập nâng cao

Bài 25. Chứng minh rằng các phân số sau là tối giản ($n \in \mathbb{N}^*$)

a) $\frac{n+1}{2n+3}$

b) $\frac{2n+3}{4n+8}$

c) $\frac{3n+1}{4n+1}$

Bài 26. Cho phân số $A = \frac{2n+3}{6n+4}$ ($n \in \mathbb{N}$). Với giá trị nào của n thì A rút gọn được.

Bài 27. Tìm tất cả các số nguyên n sao cho các phân số sau có giá trị là số nguyên.

a) $\frac{12}{3n-1}$

b) $\frac{2n+3}{7}$

c) $\frac{2n+5}{n-3}$

Chúc các con ôn tập tốt !

MÔN NGŨ VĂN

PHẦN I: ĐỌC HIỂU

1. Thông kê: Thể loại văn bản đã học

STT	Thể loại	Đặc trưng thể loại	Văn bản tương ứng
1	Truyện đồng thoại		
2	Thơ có yếu tố tự sự, miêu tả		

2. Nắm vững các đặc trưng thể loại để vận dụng đọc hiểu văn bản

- Phương thức biểu đạt
- Ngôi kể
- Đề tài, chủ đề của văn bản
- Cốt truyện
- Nhân vật: hành động, ngôn ngữ...
- Tính cách nhân vật/ Vẻ đẹp nhân vật
- Tư tưởng, tình cảm, thái độ của người kể chuyện
- Ý nghĩa/ Bài học
- Thể thơ, vần, nhịp thơ
- Yếu tố tự sự, miêu tả trong thơ
- Ý nghĩa của các hình ảnh nghệ thuật
- Cảm xúc của người viết.

3. Kiến thức thực hành Tiếng Việt

- Biện pháp tu từ: so sánh, nhân hoá, điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ
- Mở rộng thành phần chủ ngữ bằng cụm danh từ

Lưu ý: Thực hành đọc hiểu ngữ liệu ngoài SGK

PHẦN II: TẠO LẬP VĂN BẢN

1. Viết đoạn văn

- Viết đoạn văn ghi lại cảm nhận về một đoạn thơ hoặc bài thơ, đoạn văn có vận dụng kiến thức Tiếng Việt đã học.

2. Viết bài văn hoàn chỉnh

- Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của em (VD: Một bài học nhớ đời, một kinh nghiệm quý báu trong sinh hoạt hàng ngày ...)

MÔN TIẾNG ANH

A. Main contents:

	Vocabulary	Pronunciation	Grammar
Unit 7: Television	TV programmes	Sounds: / θ/ and / ð/	- Wh-questions - Conjunctions in compound sentences: <i>and, but, so</i>
Unit 8: Sports and games	Sports and games	Sounds: / e/ and / æ/	- Past simple - Imperatives

B. Practice:

I. Choose the word whose underlined part is pronounced differently from the others

1. A. thirty B. than C. therefore D. those
2. A. mouthth B. Thursday C. nothing D. worthy
3. A. exercise B. chess C. schedule D. here
4. A. mach B. make C. travel D. marathon

II. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the word that differs from the other three in the position of the stress

1. A. sporty B. racket C. karate D. aerobics
2. A. cartoon B. comedy C. character D. educate

III. Choose the best option to complete each sentence. Circle A, B, C or D.

1. 'Why are you laughing so hard?' 'I am watching a _____. It's really funny!'
A. drama B. news C. comedy D. romance
2. I love _____. Tom and Jerry are my favourite characters.
A. romances B. comedies C. documentaries D. cartoons
3. _____ up the tree! You'll fall down.
A. Climb B. Climbing C. Not to climb D. Don't climb
4. _____ are the Olympic Games held? - Every four years.
A. When B. Where C. How long D. How often
5. Football is an example of a _____ sport where you play with several other people.
A. team B. individual C. indoor D. dangerous
6. _____ television do you watch a day? - About two hours.
A. How long B. How many C. How much D. How often

7. _____ does Sam watch the “Muppet Show”? - On every Sunday afternoon.
 A. What B. When C. What time D. How often
8. Who wants to be a millionaire? is _____ at eight o'clock every Tuesday night.
 A. in B. on C. at D. from
9. I like watching the news _____ I want to know what is happening around the world.
 A. and B. so C. but D. because
10. The story was very interesting, _____ very sad.
 A. and B. or C. so D. but

IV. Choose the word which best fits each gap

Physical activity is the most obvious benefit of sports participation. Children often spend too much time watching television or (1) _____ video games. But sports practices and games provide an opportunity for exercise that can help keep kids in shape and (2) _____.

Sports participation can help children develop social skills that will benefit them (3) _____ their entire lives. They learn to interact not only with other children their age, (4) _____ also with older individuals in their coaches and sports officials. Kids learn leadership skills, team-building skills and communication skills that will help them in school, their future (5) _____ and personal relationships.

1. A. doing B. playing C. paying D. watching
2. A. healthy B. wealthy C. happy D. funny
3. A. for B. on C. at D. throughout
4. A. and B. so C. but D. then
5. A. world B. career C. game D. shape

V. Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions

1. What is the meaning of the sign below?



- A. You can't ride motorbikes here
- B. You can ride motorbikes here
- C. You can fix motorbikes here
- D. You can buy motorbikes here.

2. What is the meaning of the sign below?



- A. You can bring your dogs to this place.
- B. You can't bring your dogs to this place.
- C. You can feed the dogs here.
- D. You can raise dogs here

VI. Read the passage. Circle the best answer A, B, or C to each of questions.

Television is a product that was invented in 1926 and has been developed over many years and it still continues to be developed. The television was one of many great inventions in the 20th century.

The television is an extremely popular product. Over the years many people have bought the television. Now, there are over 15,000 T.V channels in the world. It is clear that the television is a popular product but it is also bad for your sight. People spend almost 4-8 hours in front of a screen (about a sixth to a third of a day). This results in less time to be physically active, spending time with family, doing homework to the best of their ability and reading. This is bad as reading has been proved to affect how smart you are. Also, there are many inappropriate television shows that "hypnotize" children into thinking that something wrong is right or something bad is good.

On the other hand, some may argue that television can be good for your education as some television programs are documentaries, contain historical facts and help children stay up to date with the world around them (the news). I think that the television can be good for you if you can control how long you are on it and you watch the right types of programs; however, even if you do watch good programs, it will still have an effect on your health and sight.

1. When was television invented?
A. 1920 B. 1926 C. 1950 D. 1980
2. What is one negative effect of watching television for long hours?
A. It makes people smarter.
B. It results in less time for physical activity, family, and homework.
C. It helps people stay healthy.
D. It improves sight
3. According to the passage, what is one benefit of watching certain television programs?
A. They entertain children and keep them happy.
B. They help people stay up to date with the news.
C. They make people smarter instantly.
D. They improve people's social life.
4. Which of the following is mentioned as a problem with some television shows?
A. They teach children inappropriate lessons.
B. They are too expensive to produce.
C. They provide too much educational content.
D. They help with physical fitness.
5. According to the passage, what is one way to make television viewing more beneficial?
A. Watching television for longer hours.
B. Watching only news programs.

- C. Watching educational programs and controlling the amount of time spent.
- D. Avoiding television completely.

VII. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct sentence

1. We/ watch/ documentary/ know more/ historical events.
 - A. We watches documentary to know more about historical events.
 - B. We watch documentary to know more of historical events.
 - C. We watches documentary to know more of historical events.
 - D. We watch documentary to know more about historical events.
2. I/ love/ films/ I/ don't like/ watch/ them/ television.
 - A. I love films but I don't like watch them in television.
 - B. I love films but I don't like watching them on television.
 - C. I love films because I don't like watch them in television.
 - D. I love films because I don't like watching them on television.
3. Playing/ volleyball/ interesting.
 - A. Playing volleyball are interesting.
 - B. Playing the volleyball is interesting.
 - C. Playing volleyball is interesting.
 - D. Playing the volleyball are interesting.

VIII. Mark the letter A, B, C or D to indicate the sentence that is closet in meaning or best combination to each of the following questions

1. Helen's favorite sport is table tennis.
 - A. Helen hates playing table tennis.
 - B. Helen hates playing sports table tennis.
 - C. Helen enjoys playing table tennis.
 - D. Helen enjoys playing sports table tennis.
2. He is a good football player.
 - A. He can't play football
 - B. He isn't good at football.
 - C. He love playing football.
 - D. He plays football well.
3. It's educational to watch this channel.
 - A. Watching this channel is educational.
 - B. It's musical to watch this channel.
 - C. To watch this channel is funny.
 - D. This channel is boring to watch

X. Complete the second sentence so that it means the same as the first one.

1. How much time do you spend watching television?
=> How many _____?
 2. What programme do you like best?
=> What's _____?
-

MÔN KHTN

I. NỘI DUNG

Bài 20: Vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên

Bài 21: Thực hành phân chia các nhóm thực vật

Bài 22: Đa dạng động vật không xương sống

Bài 23: Đa dạng động vật có xương sống

Bài 24: Đa dạng sinh học

Ôn lý thuyết và các dạng bài tập trong sách bài tập

II. Một số bài minh họa

Phần I. Trắc nghiệm

Câu 1: Thực vật có vai trò gì đối với động vật?

- A. Cung cấp thức ăn
- B. Ngăn biến đổi khí hậu
- C. Giữ đất, giữ nước
- D. Cung cấp thức ăn, nơi ở

Câu 2: Loại cây nào dưới đây không phải một trong bốn loại cây lương thực chính của Việt Nam?

- A. Lúa nước
- B. Ngô
- C. Khoai tây
- D. Sắn

Câu 3: Lá của cây nào dưới đây được sử dụng làm thức ăn cho con người?

- A. Lá khoai tây
- B. Lá chuối
- C. Lá mồng tơi
- D. Lá xà cừ

Câu 4: Hầu hết các bộ phận của cây nào dưới đây đều chứa độc tố và gây hại đến sức khỏe con người?

- A. Lưỡi hổ
- B. Trúc đào
- C. Nong tằm
- D. Chùm ngây

Câu 5: Biện pháp nào dưới đây không có tác dụng bảo vệ cây xanh?

- A. Trồng rừng ngập mặn
- B. Dựng giá đỡ cho các cây xanh mới trồng
- C. Khắc tên lên các thân cây ở các khu du lịch
- D. Không ngắt hoa, bẻ cành các loài cây trong công viên

Câu 6: Để bảo vệ rừng con người cần làm gì?

- A. Tăng cường sử dụng và khai thác rừng.
- B. Tham gia trồng cây gây rừng, phủ xanh đồi trọc.
- C. Chặt phá nhiều cây xanh để môi trường sáng sủa hơn.
- D. Đốt nương làm rẫy không kiểm soát.

Câu 7: Chất độc được biết đến nhiều nhất trong khói thuốc lá là gì?

- A. Hêrôin
- B. Côcain
- C. Nicôtin
- D. Solanin

Câu 8: Trong các loại cây dưới đây, cây nào vừa là cây ăn quả, vừa là cây làm cảnh, lại vừa là cây làm thuốc?

- A. Cần sa
- B. Sen
- C. Mít
- D. Dừa

Câu 9: Cây nào dưới đây được dùng để sản xuất chất gây nghiện?

- A. Chè B. Anh túc (Thuốc phiện) C. Ca cao D. Cô ca

Câu 10. Ý nào dưới đây không đúng khi nói về vai trò điều hoà khí hậu của thực vật?

- A. Giảm thiểu thiên tai nhờ khả năng cản bớt ánh sáng, gió và vận tốc dòng chảy.
B. Làm dịu mát môi trường xung quanh thông qua việc thải ra hơi nước.
C. Cân bằng hàm lượng khí oxygen và khí carbon dioxide trong bầu khí quyển nhờ quá trình quang hợp.
D. Làm tăng nhiệt độ, tăng tốc độ gió, giảm lượng mưa.

Câu 11. Thực vật góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường bằng cách

- A. Giảm bụi và khí độc, tăng hàm lượng CO₂
B. Giảm bụi và khí độc, cân bằng hàm lượng CO₂ và O₂
C. Giảm bụi và khí độc, giảm hàm lượng O₂
D. Giảm bụi và sinh vật gây bệnh, tăng hàm lượng

Câu 12. Trong các biện pháp giúp giảm thiểu ô nhiễm và điều hoà khí hậu, biện pháp khả thi, tiết kiệm và mang lại hiệu quả lâu dài nhất là

- A. sản xuất công nghiệp. B. xây dựng hệ thống xử lý chất thải,
C. trồng cây gây rừng. D. di dời các khu chế xuất lên vùng núi.

Câu 13. Vì sao nói thực vật có vai trò bảo vệ đất và nguồn nước?

- A. Thực vật có hệ rễ phát triển mạnh.
B. Tán cây cản bớt sức nước chảy do mưa lớn gây ra.
C. Thực vật có hệ rễ phát triển mạnh giữ đất, cản dòng chảy do mưa lớn gây ra, một phần nước mưa thấm dần xuống các lớp đất tạo thành nước ngầm.
D. Tán lá cản bớt ánh sáng và tốc độ gió.

Câu 14. Nhờ quá trình nào mà thực vật có khả năng điều hoà lượng khí oxygen và carbon dioxide trong không khí?

- A. Quang hợp của cây xanh.
B. Hô hấp của cây xanh.
C. Hô hấp của các động vật và con người.
D. Đốt cháy các nguyên liệu (gỗ, than, dầu, ...).

Câu 15. Tại sao nói rừng là “lá phổi xanh” của Trái Đất?

(1) Cây xanh quang hợp sử dụng khí carbon dioxide và thải ra khí oxygen vào không khí giúp con người hô hấp.

(2) Lá cây xanh có tác dụng cản bụi, diệt vi khuẩn và giảm ô nhiễm môi trường,

(3) Cây xanh hô hấp lấy khí oxygen và thải ra khí carbon dioxide.

Các phát biểu đúng là:

- A. (1), (2) B. (1), (3) C. (1), (2), (3) D. (2), (3)

Câu 16. Vì sao ở vùng đồi núi nơi có rừng sẽ ít xảy ra sạt lở, xói mòn đất?

- A. Vì đất ở khu vực đó là đất sét nên không bị xói mòn
B. Vì các tán cây, rễ cây giảm lực chảy của dòng nước, rễ cây giữ đất

- C. Vì lượng mưa ở khu vực đó thấp hơn lượng mưa ở khu vực khác
- D. Vì nước sẽ bị hấp thụ hết trở thành nước ngầm khiến tốc độ dòng chảy giảm

Câu 17. Tại sao khi trời nắng nóng đứng dưới tán cây sẽ cảm thấy mát mẻ hơn?

- A. Vì thực vật quang hợp và thoát hơi nước
- B. Vì mặt trời không chiếu tới
- C. Vì ở nơi có thực vật thì sẽ có nhiều gió
- D. Vì chúng ta cảm giác đứng ở dưới tán cây sẽ mát hơn

Câu 18. Hoạt động nào của cây xanh giúp bổ sung vào bầu khí quyển lượng khí oxygen mất đi do hô hấp và đốt cháy nhiên liệu?

- A. Trao đổi khoáng, B. Quang hợp. C. Hô hấp, D. Thoát hơi nước

Câu 19. Để diệt cá dữ trong đầm nuôi thủy sản, người ta sử dụng loại cây nào dưới đây:

- A. Đinh lăng B. Duối cá C. Ngũ gia bì D. Xương rồng

Câu 20. Fomaldehyde có nhiều trong các vật liệu như gỗ dán, thảm, và xốp cách điện... và là một trong các chất gây ô nhiễm không khí trong nhà. Khi hít phải sẽ đau đầu, cảm giác nóng trong cổ họng và khó thở. Có thể sử dụng thực vật để hấp thụ lượng fomaldehyde trong nhà. Hãy xác định tên loài thực vật có thể hấp thụ fomaldehyde.

- A. Cây lan ý B. Cây xương rồng C. Cây dương xỉ D. Cây hồng môn

Câu 21. Đặc điểm cơ bản nhất để phân biệt động vật không xương sống với động vật có xương sống là

- A. Hình thái đa dạng. B. Không có xương sống.
- C. Kích thước cơ thể lớn. D. Sống đa dạng nhiều môi trường

Câu 22: Cho các ngành động vật sau:

- (1) Thân mềm (4) Ruột khoang
- (2) Bò sát (5) Chân khớp
- (3) Lưỡng cư (6) Giun

Động vật không xương sống bao gồm các ngành nào sau đây?

- A. (1), (2), (3), (4) B. (2), (3), (5), (6)
- C. (1), (4), (5), (6) D. (2), (3), (4), (6)

Câu 23: Loài nào dưới đây là loài giun kí sinh?

- A. Giun quế B. Giun đất C. Giun kim D. Rươi

Câu 24: Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm của các ngành giun?

- A. Bộ xương ngoài bằng kitin, các chân phân đốt, khớp động với nhau
- B. Cơ thể mềm, không phân đốt, có vỏ cứng bao bên ngoài
- C. Cơ thể dài, đối xứng hai bên, phân biệt đầu, thân
- D. Cơ thể đối xứng tỏa tròn, ruột hình túi

Câu 25. Đặc điểm nào dưới đây là của ngành Ruột khoang?

- A. Đối xứng hai bên B. Đối xứng lưng – bụng

C. Đối xứng tỏa tròn D. Đối xứng trước – sau

Câu 26. Động vật khác thực vật ở những điểm nào dưới đây?

- (1) Môi trường sống ở nước, trên mặt đất
- (2) Tế bào không có thành cellulose
- (3) Dinh dưỡng dị dưỡng
- (4) Có khả năng tự tổng hợp chất hữu cơ
- (5) Đa số có khả năng di chuyển

A. (1), (2), (3) B. (2), (3), (4) C. (3), (4), (5) D. (2), (3), (5)

Câu 27. Mực khác bạch tuộc ở đặc điểm nào dưới đây?

- A. Có thân mềm B. Sống ở biển
- C. Có mai cứng ở lưng D. Có giá trị thực phẩm

Câu 28. Tôm và cua đều được xếp vào động vật ngành chân khớp vì

- A. sống ở dưới nước, có khả năng di chuyển nhanh
- B. có bộ xương ngoài bằng chất kitin, các chân phân đốt, có khớp động
- C. có số lượng cá thể nhiều và có giá trị thực phẩm
- D. là các động vật không xương sống, sống ở nước

Câu 29. Ngành thân mềm có cơ thể mềm và rất dễ bị tổn thương. Đặc điểm cấu tạo nào sau đây giúp chúng có thể hạn chế được nhược điểm đó?

- A. Tốc độ di chuyển nhanh B. Có lớp vỏ cứng bên ngoài cơ thể
- C. Có nọc độc D. Có bộ xương ngoài bằng kitin

Câu 30. Giun đất và giun đũa đều có đối xứng 2 bên, cơ thể dài, phân biệt đầu thân, nhưng giun đũa không được xếp vào ngành Giun đốt là vì:

- A. Sống tự do B. Cơ thể không phân đốt
- C. Sống ký sinh D. Cơ thể dẹp và mềm

Câu 31. Tại sao khi trước khi ăn sứa phải ngâm rửa nhiều lần, sơ chế kỹ càng trước khi ăn?

- A. Loại bỏ chất độc ở phần dù B. Giúp thịt sứa mềm hơn
- C. Loại bỏ độc tố ở các xúc tu (tua miệng) D. Giúp thịt sứa săn chắc

Câu 32. Biện pháp phòng chống sản dây ký sinh là

- A. Đi ủng khi lao động B. Nấu chín thức ăn
- C. Ăn rau sống, phơi tái D. Trồng rau ở những vùng nước đọng

Câu 33. Trước khi cấy lúa, người ta thường bắt ốc bươu vàng là để

- A. mang về làm thực phẩm
- B. giúp ốc tìm nơi sinh sản tốt hơn
- C. hạn chế sự gây hại cây lúa của ốc bươu vàng
- D. mang về làm thức ăn cho ngan vịt

Câu 34. Sau khi nấu xong đồ ăn, thức uống, phải chụp lồng bàn để

- A. tránh đồ ăn thức uống bay mất mùi thơm.
- B. giúp thức ăn, đồ uống luôn ấm nóng, thơm ngon hơn.
- C. giúp đồ ăn nguội nhanh không bị nóng
- D. hạn chế sự tiếp xúc của ruồi, muỗi tránh lây truyền bệnh nguy hiểm cho người.

Câu 35. Tại sao người ta nuôi ong ở những khu vườn trồng cây ăn quả?

- A. Ong hút mật hoa thụ phấn cho cây trồng
- B. Nuôi nhiều ong để tăng số lượng ong trong tổ của chúng
- C. Ong giúp quả trong vườn chín nhanh hơn
- D. Ong xua đuổi các loài bướm hại cây trồng

Câu 36. Động vật có xương sống bao gồm:

- A. Cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú
- B. Cá, chân khớp, bò sát, chim, thú
- C. Cá, lưỡng cư, bò sát, ruột khoang, thú
- D. Thân mềm, lưỡng cư, bò sát, chim, thú

Câu 37. Đặc điểm nào dưới đây là đặc điểm của lớp Chim?

- A. Da trần, luôn ẩm ướt, dễ thấm nước, hô hấp bằng da và phổi
- B. Có lông vũ bao phủ cơ thể, đi bằng hai chân, chi trước biến đổi thành cánh
- C. Có lông mao bao phủ khắp cơ thể, có răng, đẻ con và nuôi con bằng sữa mẹ
- D. Da khô, phủ vảy sừng, hô hấp bằng phổi, đẻ trứng

Câu 38. Đặc điểm nào dưới đây là đặc điểm của lớp Bò sát?

- A. Da trần, luôn ẩm ướt, dễ thấm nước, hô hấp bằng da và phổi
- B. Có lông vũ bao phủ cơ thể, đi bằng hai chân, chi trước biến đổi thành cánh
- C. Có lông mao bao phủ khắp cơ thể, có răng, đẻ con và nuôi con bằng sữa mẹ
- D. Da khô, phủ vảy sừng, hô hấp bằng phổi, đẻ trứng

Câu 39. Tập hợp các loài nào sau đây thuộc lớp Động vật có vú (Thú)?

- A. Tôm, muỗi, lợn, cừu
- B. Bò, châu chấu, sư tử, voi
- C. Cá voi, vịt trời, rùa, thỏ
- D. Gấu, mèo, dê, cá voi.

Câu 40. Nhóm nào sau đây gồm toàn các đại diện của ngành ruột khoang?

- A. sứa, mực, bạch tuộc
- B. san hô, hải quỳ, tôm hùm
- C. thủy tức, hải quỳ, san hô
- D. hàu, ghẹ, hải quỳ

Câu 41. Những đặc điểm nào dưới đây phân biệt bò sát với lưỡng cư?

- (1) Đẻ trứng
- (2) Da khô, phủ vảy sừng
- (3) Sống ở cạn
- (4) Hô hấp bằng phổi
- A. (1), (2), (3)
- B. (1), (2), (4)
- C. (1), (3), (4)
- D. (2), (3), (4)

Câu 42. Đà điểu không biết bay nhưng vẫn được xếp vào lớp chim vì

- A. đẻ trứng, đi bằng chân
- B. hô hấp bằng phổi

C. lông vũ bao phủ cơ thể, đi bằng hai chân

D. sống trên cạn

Câu 43.Ếch là đại diện thuộc lớp Lưỡng cư, thuật ngữ “lưỡng cư” có nghĩa là

A. vừa đẻ trứng vừa đẻ con

B. vừa ở nước vừa ở cạn

C. con non trải qua giai đoạn nòng nọc

D. đẻ trứng ở dưới nước

Câu 44. Tại sao cá voi biết bơi nhưng không xếp vào lớp cá

A. Cá voi đẻ con nuôi con bằng sữa

B. Cá voi đẻ trứng, nuôi con bằng sữa

C. Cá voi không có vây hậu môn

D. Cá voi đẻ con, thở bằng mang

Câu 45. Da của loài cá nào dưới đây có thể dùng đóng giày, làm túi?

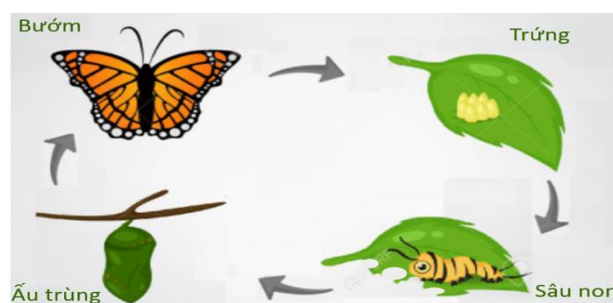
A. Cá mập

B. Cá hồi

C. Cá chép

D. Cá quả

Câu 46. Quan sát vòng đời của sâu bướm sau, giải thích tại sao người nông dân lại tập trung tiêu diệt trứng của chúng trước khi nở thành sâu non?



A. Do giai đoạn sâu non, chúng ăn nhiều nhất phá hoại mùa màng

B. Do giai đoạn bướm trưởng thành đẻ được nhiều trứng

C. Do giai đoạn ấu trùng không phá hoại mùa màng

D. Do giai đoạn trứng phá hoại lá cây trồng nhiều nhất

Câu 47. Động vật thuộc lớp Thú là vật chủ trung gian truyền bệnh cho người là

A. Ốc vặn, ốc mít, ốc bươu

B. Khỉ, cá heo, lợn

C. Chuột, dơi, bò

D. Hổ, báo, gấu

Câu 48. Chim bồ câu chăm sóc và bảo vệ con non

A. Ấp trứng, nuôi con bằng sữa điều

B. Ấp trứng, để con non tự đi kiếm mồi

C. Trứng tự nở, nuôi con bằng sữa điều

D. Trứng tự nở, con non tự đi kiếm mồi

Câu 49. Trước khi tiêm vaccin phòng bệnh covid-19 cho người, các nhà khoa học sẽ thử nghiệm ở các động vật

A. Chuột bạch, thỏ, hổ

B. Cá chép, cá hồi

C.Ếch, cóc, ễnh ương

D. Khỉ, rắn, thằn lằn

Câu 50. Động vật bò sát nào dưới đây có ích cho nông nghiệp do chúng tiêu diệt một số loài có hại như sâu bọ, chuột...?

A. Thằn lằn, rắn

B. Cá sấu, rùa

C. Ba ba, rùa

D. Trăn, cá sấu

Phần II. Tự luận

Câu 1. Nguyên nhân gây suy giảm và hậu quả của suy giảm đa dạng sinh học.

Câu 2. Nêu các biện pháp bảo tồn đa dạng sinh học.

Câu 3:

a, Thực vật có vai trò gì đối với động vật và đời sống con người?

b, Phân chia các cây sau vào các nhóm thực vật dựa theo đặc điểm của cơ thể: cải xoong, bạch đàn, dừa, rêu, dương xỉ, tùng, cà chua.

c, So sánh thực vật hạt trần và thực vật hạt kín (đánh dấu X vào các ô)

Đặc điểm		Thực vật hạt trần	Thực vật hạt kín
Cơ quan sinh dưỡng	Rễ		
	Thân		
	Lá		
Cơ quan sinh sản	Nón		
	Hoa		
	Quả		
	Hạt		

Câu 4:

a. Động vật có những vai trò gì trong cuộc sống hằng ngày của em?

b. Cho các loài động vật sau, em hãy sắp xếp các động vật sau theo từng nhóm phù hợp và xác định đặc điểm mỗi nhóm? (1) Ốc. (2) Nhện. (3) Châu chấu. (4) Mực. (5) Cá heo. (6) Gà. (7)Ếch. (8) Rùa. (9) Cá chép.

c, Vì sao đẻ con được xem là hình thức sinh sản hoàn chỉnh hơn so với đẻ trứng?

d. Kể tên một số động vật xung quanh em và cho biết vai trò của chúng.

MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

Câu 1: Quá trình giao lưu thương mại đã diễn ra như thế nào ở Đông Nam Á? Giao lưu thương mại đã dẫn đến những thay đổi nào ở khu vực Đông Nam Á trong mười thế kỉ đầu Công nguyên?

Câu 2: Giao lưu văn hóa đã tác động như thế nào đến văn hóa Đông Nam Á?

Câu 3:

a. Trình bày sự ra đời nhà nước Văn Lang?

b. Trình bày về tổ chức bộ máy của nhà nước Văn Lang?

Câu 4:Trình bày sự ra đời của nhà nước Âu Lạc? So sánh sự giống và khác nhau giữa nhà nước Văn Lang và nhà nước Âu Lạc?

PHẦN ĐỊA LÍ

Câu 1: Biến đổi khí hậu là gì? Nêu biểu hiện, nguyên nhân của biến đổi khí hậu. Đề xuất các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam.

Câu 2:

- a. Thủy quyển là gì? Hãy kể tên các thành phần chủ yếu của thủy quyển.
- b. Nêu tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.

Câu 3: Nêu khái niệm về sông, hồ. Mô tả các bộ phận chính của một dòng sông lớn.

Câu 4: Em hãy kể tên các đại dương trên thế giới. Nước biển và đại dương có mấy sự vận động?

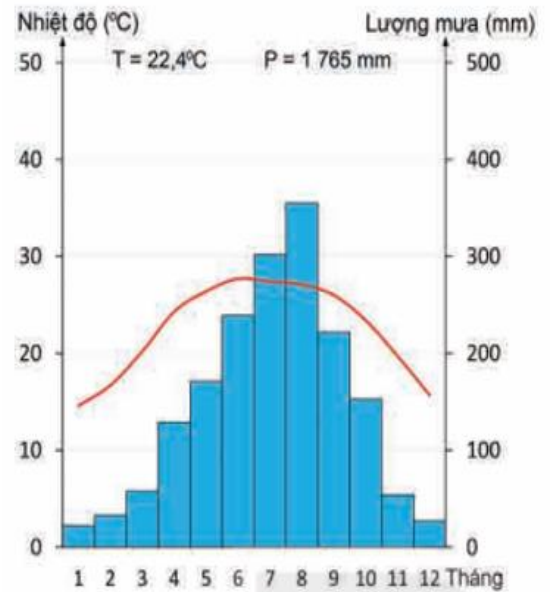
Câu 5: Phân tích đặc điểm nhiệt độ của địa điểm dưới đây theo gợi ý sau:

+ Về nhiệt độ:

- Nhiệt độ tháng cao nhất?
- Nhiệt độ tháng thấp nhất?
- Biên độ nhiệt năm?
- Nhiệt độ trung bình năm?

+ Về lượng mưa:

- Lượng mưa tháng cao nhất?
- Lượng mưa tháng thấp nhất?
- Tổng lượng mưa trong năm?
- Những tháng có lượng mưa trên 100mm?
- Từ những nhận xét về nhiệt độ và lượng mưa của biểu đồ trên em hãy cho biết biểu đồ này thuộc đới khí hậu nào? Vì sao?



T: Nhiệt độ trung bình năm

P: Lượng mưa trung bình năm

MÔN GDCD

Bài 6: Tự nhận thức bản thân là gì? Em đã làm gì để phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của mình?

Bài 7: Em hãy nêu cách phòng tránh và ứng phó với những tình huống nguy hiểm sau đây: hỏa hoạn, đuối nước. Liệt kê những số điện thoại khẩn cấp em đã được học (ghi rõ số điện thoại nào, gọi đến tổng đài nào?)

Bài 8: Tiết kiệm là gì, lối sống tiết kiệm có ý nghĩa thế nào với chúng ta? Em đã làm gì để thể

MÔN CÔNG NGHỆ

Khoanh tròn chữ cái đứng trước phương án trả lời em cho là đúng nhất.

Câu 1: Vải sợi hóa học được sản xuất từ đâu?

- A. Sợi thực vật (sợi lanh, sợi bông..)
- B. Một số chất hóa học lấy từ tre, gỗ, nứa, than đá, dầu mỏ...
- C. Sợi động vật(lông cừu, tơ tằm...)
- D. Sợi tơ sen, lông cừu.

Câu 2: Cây bông dùng để dệt ra vải sợi nào?

- A. Vải sợi len
- B. Vải cotton
- C. Vải sợi tổng hợp
- D. Vải sợi nhân tạo

Câu 3: Hãy cho biết đâu không phải là trang phục?

- A. Quần áo
- B. Giày dép
- C. Bông tai.
- D. Nón.

Câu 4: Ý nghĩa của phong cách thời trang là:

- A. Tạo nên vẻ đẹp cho từng cá nhân
- B. Tạo nên nét độc đáo cho từng cá nhân
- C. Tạo nên vẻ đẹp hoặc nét độc đáo cho từng cá nhân
- D. Tạo nên vẻ đẹp và nét độc đáo riêng cho từng cá nhân

Câu 5: Trang phục giúp ích con người trong trường hợp nào?

- A. Che chắn khi đi mưa, giữ ấm
- B. Làm đẹp, giữ ấm, chống nắng
- C. Bảo vệ cơ thể và làm đẹp cho con người.
- D. Làm đẹp cho con người trong mọi hoạt động

Câu 6: Trang phục mùa hè thuộc loại trang phục nào?

- A. Theo thời tiết.
- B. Theo công dụng.
- C. Theo giới tính
- D. Theo lứa tuổi

Câu 7: Sử dụng và bảo quản trang phục gồm những công việc gì?

- A. Giặt, phơi; là (ủi); cất giữ
- B. Giặt; là (ủi); cất giữ
- C. Giặt, phơi; là (ủi); gấp gọn; cất giữ
- D. Giặt; là (ủi); gấp gọn

Câu 8: Dụng cụ Là (ủi) quần áo là gì?

- A. Bàn ủi.
- B. Túi xách.
- C. Quần áo
- D. Bàn ủi, Cầu là.

Câu 9: Em hiểu thế nào là thời trang?

- A. Là kiểu trang phục được nhiều người ưa chuộng
- B. Là kiểu trang phục được sử dụng rộng rãi.
- C. Là kiểu trang phục thịnh hành
- D. Là kiểu trang phục phổ biến và được nhiều người ưa chuộng.

Câu 10: Loại vải nào dưới đây thích hợp để may trang phục mùa hè?

- A. Vải sợi cotton
- B. Vải nylon
- C. Vải polyester
- D. Vải polyamide

Câu 11: Đặc điểm nào của trang phục sau đây tạo cảm giác tròn đầy, thấp xuống ?

- A. Màu sáng, hoa to, kẻ sọc dọc
- B. Màu sẫm, hoa nhỏ, kẻ sọc ngang
- C. Màu sáng, hoa to, kẻ sọc ngang
- D. Màu sẫm, hoa to, kẻ sọc ngang

Câu 12: Chọn màu vải để may quần hợp với tất cả các màu của áo là:

- A. màu đen, màu tím
- B. màu đen, màu trắng
- C. màu đen, màu xanh
- D. màu trắng, màu vàng

Câu 13: “*Trang phục mang nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc*” thuộc phong cách thời trang nào?

- A. Phong cách đơn giản
- B. Phong cách thể thao
- C. Phong cách dân gian
- D. Phong cách công sở.

Câu 14: Ý nghĩa của việc giặt, phơi quần áo đúng cách là

- A. giúp quần áo được sạch, đẹp khi mặc
- B. giúp giữ quần áo được bền lâu
- C. giúp làm phẳng quần áo khi sử dụng
- D. giúp quần áo được sạch, bền lâu, đẹp khi mặc

Câu 15: Khi vò vải, vải nào bị nhàu nhiều thì vải đó là

- A. vải sợi thiên nhiên
- B. vải sợi tổng hợp
- C. vải sợi nhân tạo
- D. vải sợi pha

Câu 16: Chức năng của trang phục là

- A. giúp con người chống nóng
- B. bảo vệ cơ thể và làm đẹp cho con người
- C. giúp con người chống lạnh
- D. làm tăng vẻ đẹp của con người

Câu 17: Chỉ ra ý sai về vai trò của trang phục?

- A. Bảo vệ cơ thể và làm đẹp cho con người
- B. Giúp chúng ta biết chính xác tuổi của người mặc
- C. Giúp chúng ta đoán biết nghề nghiệp của người mặc
- D. Giúp chúng ta biết người mặc đến từ quốc gia nào

Câu 18: Loại trang phục mà các bác sĩ mặc khi làm việc có tên gọi là gì?

- A. Áo bà ba
- B. Áo choàng
- C. Áo blouse
- D. Áo khoác

Câu 19: Trang phục ở nhà có đặc điểm nào sau đây?

- A. Kiểu dáng đẹp, trang trọng
- B. Kiểu dáng lịch sự, gọn gàng
- C. Kiểu dáng đơn giản, thoải mái
- D. Kiểu dáng ôm sát cơ thể

Câu 20: Bảo quản trang phục gồm những công việc nào sau đây?

- A. Làm khô, làm phẳng, cất giữ
- B. Làm sạch, làm khô, cất giữ
- C. Làm sạch, làm khô, làm phẳng, cất giữ
- D. Làm sạch, làm khô, làm phẳng

Câu 21: Nhược điểm của phương pháp phơi khô quần áo là

- A. Phụ thuộc vào thời tiết
- B. tiêu hao điện năng
- C. quần áo lâu khô
- D. đáp án A và C

Câu 22: Đặc điểm nào của trang phục sau đây tạo cảm giác gây đi, cao lên?

- A. Vải mềm mỏng, mịn
- B. Kiểu thùng, có đường nét chính ngang thân áo, tay bông có bèo
- C. Màu sáng
- D. Kẻ ngang, kẻ ô vuông, hoa to

Câu 23: Khi đi học thể dục em sẽ lựa chọn trang phục như thế nào?

- A. Vải sợi bông, may sát người, giày cao gót
- B. Vải sợi tổng hợp, may rộng, giày da đắt tiền
- C. Vải sợi bông, may rộng, dép lê
- D. Vải sợi bông, may rộng, giày ba ta

Câu 24: Việc lựa chọn trang phục cần dựa trên những yếu tố nào?

- A. Khuôn mặt, lứa tuổi, mục đích sử dụng
- B. Lứa tuổi, điều kiện làm việc, một thời trang
- C. Điều kiện tài chính, một thời trang
- D. Vóc dáng cơ thể, lứa tuổi, mục đích sử dụng, sở thích, điều kiện làm việc, tài chính

Câu 25: Quần áo mang phong cách thể thao thường kết hợp với:

- A. giày cao gót
- B. giày thể thao
- C. giày búp bê
- D. tất cả đáp án trên

Câu 26: Trang phục có đặc điểm nào sau đây được dùng cho lễ hội?

- A. Có kiểu dáng đơn giản, gọn gàng, dễ mặc, dễ hoạt động; có màu sắc hài hoà; thường được may từ vải sợi pha
- B. Có kiểu dáng đơn giản, rộng, dễ hoạt động; có màu sắc sẫm màu; thường được may từ vải sợi bông
- C. Có kiểu dáng đẹp, trang trọng; có thể là trang phục truyền thống, tùy thuộc vào tính chất lễ hội
- D. Có kiểu dáng đơn giản, thoải mái; thường được may từ vải sợi thiên nhiên

Câu 27: Phong cách thể thao được sử dụng cho:

- A. Nhiều đối tượng khác nhau
- B. Nhiều lứa tuổi khác nhau
- C. Nhiều đối tượng và lứa tuổi khác nhau
- D. Chỉ sử dụng cho người có điều kiện.

Câu 28: Mặc đẹp là mặc quần áo

- A. chạy theo một thời trang
- B. sử dụng đồ hiệu đắt tiền
- C. phù hợp với vóc dáng, lứa tuổi, hoàn cảnh sử dụng
- D. may cầu kì, phức tạp

Câu 29. Bảo quản thực phẩm có vai trò gì?

- A. Đảm bảo chất lượng và chất dinh dưỡng của thực phẩm trong thời gian dài
- B. Giúp thực phẩm được ngon hơn, an toàn hơn
- C. Giúp thực phẩm chín mềm, dễ tiêu hoá, thay đổi hương vị
- D. Làm thực phẩm nhanh bị hư hỏng

Câu 30. Trong những biện pháp sau, biện pháp nào đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm?

- A. Sử dụng chung thớt để chế biến thực phẩm sống và thực phẩm chín trong cùng 1 thời điểm
- B. Để lẫn thực phẩm chín và thực phẩm sống với nhau
- C. Chỉ sử dụng sản phẩm đóng hộp có ghi rõ thông tin cơ sở sản xuất, thành phần dinh dưỡng, còn hạn sử dụng.
- D. Không che đậy thực phẩm sau khi nấu chín

Câu 31. Nhóm thực phẩm giàu chất tinh bột, chất đường là nguồn chủ yếu cung cấp cho mọi hoạt động sống của cơ thể. Cụm từ còn thiếu cần điền vào chỗ chấm là:

- A. Các bô nic
- B. Dinh dưỡng
- C. Oxi
- D. Năng lượng.

Câu 32. Chế biến thực phẩm có vai trò gì?

- A. Giúp thực phẩm giữ nguyên màu sắc và thành phần dinh dưỡng
- B. Xử lý thực phẩm để bảo quản thực phẩm
- C. Làm chậm quá trình thực phẩm bị hư hỏng, kéo dài thời gian sử dụng
- D. Tạo ra các món ăn đầy đủ chất dinh dưỡng, đa dạng và hấp dẫn.

Câu 33. Thực phẩm được chia thành mấy nhóm chính?

- A. 4
- B. 3
- C. 6
- D. 5

Câu 34. Phương pháp nào sau đây là phương pháp bảo quản thực phẩm?

- A. Làm chín thực phẩm
- B. Nướng và muối chua
- C. Làm lạnh và đông lạnh
- D. Luộc và trộn hỗn hợp

Câu 35. Biện pháp nào sau đây có tác dụng phòng tránh nhiễm độc thực phẩm?

- A. Ăn khoai tây mọc mầm
- B. Dùng thức ăn có nguồn gốc rõ ràng
- C. Sử dụng đồ hộp hết hạn sử dụng
- D. Không ăn những thức ăn nhiễm độc tố

Câu 36. Muốn cơ thể phát triển 1 cách cân đối và khoẻ mạnh, chúng ta cần ăn uống như thế nào?

- A. Ăn nhiều thức ăn giàu chất đạm, ăn đúng giờ
- B. Ăn thật no, ăn nhiều thực phẩm cung cấp chất béo
- C. Ăn đúng bữa, ăn đúng cách, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm
- D. Ăn nhiều bữa, ăn đủ chất dinh dưỡng

Câu 37. Tìm phát biểu sai về các biện pháp bảo quản thực phẩm.

- A. Rửa thịt sau khi đã cắt thành từng lát
- B. Không để ruồi bọ đậu vào thịt cá
- C. Giữ thịt, cá ở nhiệt độ thích hợp để sử dụng lâu dài
- D. Rau, củ ăn sống nên rửa sạch, gọt vỏ trước khi ăn

Câu 38. Thế nào là bữa ăn hợp lí?

- A. Là bữa ăn có sự kết hợp đa dạng các loại thực phẩm cần thiết theo tỉ lệ thích hợp để cung cấp vừa đủ cho nhu cầu của cơ thể về năng lượng và chất dinh dưỡng
- B. Là bữa ăn có sự phối hợp đa dạng các loại thực phẩm cần thiết, tạo ra nhiều món ăn hấp dẫn, không cung cấp đủ nhu cầu của cơ thể về dinh dưỡng
- C. Là bữa ăn không có sự đa dạng các loại thực phẩm mà chỉ tập trung vào một loại thực phẩm mà người dùng yêu thích, cung cấp vừa đủ nhu cầu của cơ thể về năng lượng
- D. Là bữa ăn có nhiều món ăn được tạo ra từ các loại thực phẩm, không chú trọng nhu cầu dinh dưỡng và năng lượng của cơ thể

Câu 39. Nhóm phương pháp nào sau đây không phải là phương pháp chế biến thực phẩm?

- A. Xào và muối chua
- B. Ướp và phơi.
- C. Rán và trộn dầu giấm
- D. Rang và nướng

Câu 40. Chất dinh dưỡng nào trong thực phẩm dễ bị hao tổn nhiều trong quá trình chế biến?

- A. Vitamin
- B. Chất béo
- C. Chất đạm
- D. Tinh bột

Câu 41. Vì sao nước không phải là chất dinh dưỡng nhưng lại có vai trò rất quan trọng đối với đời sống con người?

- A. Nước là thành phần chủ yếu của cơ thể
- B. Nước giúp cơ thể điều hoà thân nhiệt
- C. Nước là môi trường cho mọi chuyển hoá và trao đổi chất của cơ thể
- D. Tất cả các đáp án đều đúng

Câu 42. Đặc điểm nào là của phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt?

- A. Gần như giữ nguyên được màu sắc, mùi vị, chất dinh dưỡng của thực phẩm
- B. Làm chín thực phẩm bằng nhiệt độ cao trong thời gian thích hợp
- C. Dễ gây biến đổi các chất dinh dưỡng trong thực phẩm
- D. Làm chín thực phẩm trong môi trường nhiều chất béo

Câu 43. Thịt bò thuộc nhóm thực phẩm nào?

- A. Giàu chất tinh bột, chất đường, chất xơ
- B. Giàu chất đạm
- C. Giàu vitamin
- D. Giàu chất béo

Câu 44. Hãy cho biết đâu là trang phục?

- A. Giày
- B. Thắt lưng
- C. Quần áo
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 45. Trang phục có vai trò nào sau đây?

- A. Che chở cho con người.
- B. Bảo vệ cơ thể con người khỏi tác hại của thời tiết.
- C. Góp phần tôn lên vẻ đẹp của con người.
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 46. Trang phục góp phần tôn lên vẻ đẹp của người mặc nhờ:

- A. Chọn tranh phục phù hợp với vóc dáng cơ thể.
- B. Chọn trang phục phù hợp với hoàn cảnh sử dụng.
- C. Chọn trang phục phù hợp với vóc dáng cơ thể và hoàn cảnh sử dụng.
- D. Đáp án khác

Câu 47. Có mấy cách phân loại trang phục?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 48. Theo giới tính, người ta chia trang phục làm mấy loại?

- A. 4
- B. 3
- C. 2
- D. 1

Câu 49. Theo thời tiết, trang phục được chia làm mấy loại?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 50. Khi lựa chọn và sử dụng trang phục, cần căn cứ vào mấy đặc điểm?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 51. Đặc điểm nào sau đây thể hiện bề ngoài của trang phục, thể hiện tính thẩm mỹ, tính đa dạng của trang phục?

- A. Chất liệu
- B. Kiểu dáng
- C. Màu sắc
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 52. Dựa theo nguồn gốc sợi dệt, vải được chia thành mấy loại chính?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 53. Vải sợi hóa học gồm có mấy loại?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 54. Loại vải nào được dệt bằng các sợi có nguồn gốc từ thiên nhiên?

- A. Vải sợi thiên nhiên
- B. Vải sợi hóa học
- C. Vải sợi pha
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 55. Em hãy cho biết, loại vải nào được dệt bằng các loại sợi có nguồn gốc từ than đá, dầu mỏ?

- A. Vải sợi thiên nhiên
- B. Vải sợi nhân tạo
- C. Vải sợi tổng hợp
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 56. Loại vải nào có ưu điểm độ hút ẩm cao, mặc thoáng mát và ít nhăn?

- A. Vải sợi nhân tạo
- B. Vải sợi tổng hợp
- C. Vải sợi pha
- D. Vải sợi thiên nhiên

Câu 57. Tại sao phải tìm hiểu đặc điểm của trang phục?

- A. Để lựa chọn trang phục
- B. Để sử dụng trang phục

C. Để bảo quản trang phục

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 58. Thời trang thay đổi do:

A. Văn hóa

B. Xã hội

C. Sự phát triển của khoa học và công nghệ

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 59. Ý nghĩa của phong cách thời trang là:

A. Tạo nên vẻ đẹp cho từng cá nhân

B. Tạo nên nét độc đáo cho từng cá nhân

C. Tạo nên vẻ đẹp hoặc nét độc đáo cho từng cá nhân

D. Tạo nên vẻ đẹp và nét độc đáo riêng cho từng cá nhân

Câu 60. Căn cứ để lựa chọn phong cách thời trang là gì?

A. Căn cứ vào tính cách người mặc.

B. Căn cứ vào sở thích người mặc.

C. Căn cứ vào tính cách hoặc sở thích người mặc

D. Căn cứ vào tính cách và sở thích người mặc.

Câu 61. Phong cách cổ điển được sử dụng trong trường hợp nào?

A. Đi học

B. Đi làm

C. Tham gia sự kiện có tính trang trọng

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 62. Trang phục mang phong cách thể thao có đặc điểm:

A. Thiết kế đơn giản

B. Đường nét tạo cảm giác mạnh mẽ và khỏe khoắn

C. Thoải mái khi vận động

D. Cả 3 đáp án trên

Câu 63. Phong cách thể thao được sử dụng cho:

A. Nhiều đối tượng khác nhau

B. Nhiều lứa tuổi khác nhau

C. Nhiều đối tượng và lứa tuổi khác nhau

D. Chỉ sử dụng cho người có điều kiện.

Câu 64. Phong cách dân gian mang đặc trưng về:

A. Hoa văn, chất liệu, kiểu dáng

B. Chất liệu, kiểu dáng

C. Kiểu dáng, chất liệu

D. Hoa văn, chất liệu

Câu 65. Phong cách dân gian:

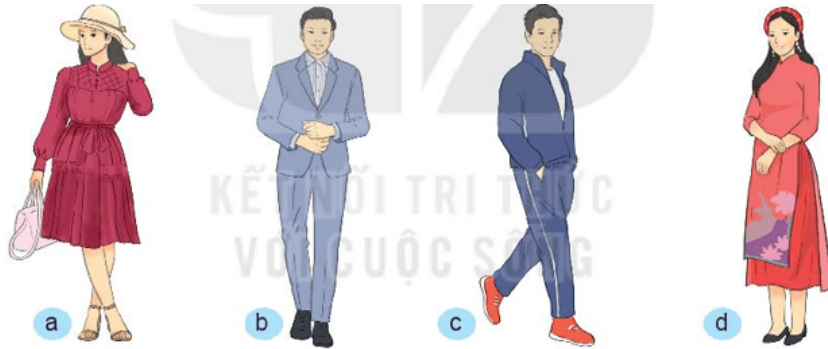
A. Mang vẻ hiện đại

B. Đậm nét văn hóa của mỗi dân tộc

C. Vừa mang vẻ đẹp hiện đại, vừa đậm nét văn hóa của mỗi dân tộc.

D. Cổ hủ, lỗi thời.

Câu 66. Hình nào sau đây thể hiện phong cách lãng mạn?



A. Hình a

B. Hình b

C. Hình c

D. Hình d

Câu 67. Phát biểu sau đây nói về phong cách nào?

“Trang phục có hình thức giản dị, nghiêm túc, lịch sự”

A. Phong cách cổ điển

B. Phong cách thể thao

C. Phong cách dân gian

D. Phong cách lãng mạn

Câu 68. Hình ảnh sau thể hiện phong cách thời trang nào?

A. Phong cách cổ điển

B. Phong cách thể thao

C. Phong cách dân gian

D. Phong cách lãng mạn



Câu 69. Khi lựa chọn trang phục cần lưu ý điểm gì?

A. Đặc điểm trang phục

B. Vóc dáng cơ thể

C. Đặc điểm trang phục và vóc dáng cơ thể

D. Đáp án khác

Câu 70. Để tạo cảm giác béo ra, thấp xuống cho người mặc, không lựa chọn chất liệu vải nào sau đây?

A. Vải cứng

B. Vải dày dặn

C. Vải mềm vừa phải

D. Vải mềm mỏng

Câu 71. Để tạo cảm giác gầy đi, cao lên cho người mặc, cần lựa chọn trang phục có đường nét, họa tiết như thế nào?

A. Kẻ ngang B. Kẻ ô vuông

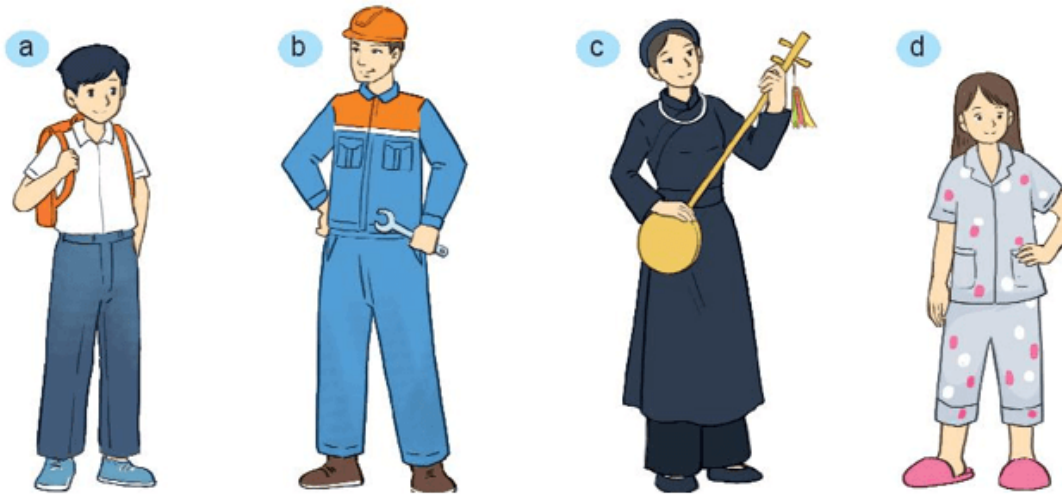
C. Hoa to

D. Kẻ dọc

Câu 72. Sử dụng các bộ trang phục khác nhau tùy thuộc vào:

- A. Hoạt động
- B. Thời điểm
- C. Hoàn cảnh xã hội
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 73. Trong hình sau, hình nào là trang phục đi học?



- A. Hình a
- B. Hình b
- C. Hình c
- D. Hình d

Câu 74. Trang phục đi học có đặc điểm nào sau đây?

- A. Kiểu dáng đơn giản
- B. Màu sắc hài hòa
- C. Thường may từ vải sợi pha.
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 75. Trang phục lao động có đặc điểm nào sau đây?

- A. Kiểu dáng đơn giản
- B. Thường có màu sẫm
- C. May từ vải sợi bông
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 76. Loại trang phục nào có kiểu dáng đơn giản, gọn gàng, dễ mặc, dễ hoạt động; có màu sắc hài hòa; thường được may từ vải sợi pha?

- A. Trang phục đi học
- B. Trang phục lao động
- C. Trang phục dự lễ hội
- D. Trang phục ở nhà

Câu 77. Theo em, tại sao cần phải phối hợp trang phục?

- A. Để nâng cao vẻ đẹp của trang phục.
- B. Để tạo sự hợp lí cho trang phục
- C. Để nâng cao vẻ đẹp và tạo sự hợp lí cho trang phục.
- D. Đáp án khác

Câu 78. “Cần phối hợp trang phục một cách đồng bộ, hài hòa về ... của quần áo cùng với một số vật dụng khác”. Chọn đáp án cần điền vào chỗ trống?

- A. Màu sắc, họa tiết
- B. Họa tiết, kiểu dáng
- C. Kiểu dáng, màu sắc
- D. Màu sắc, họa tiết, kiểu dáng

Câu 79. Em hãy cho biết, có mấy phương pháp làm sạch quần áo?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

MÔN TIN HỌC

I. NỘI DUNG ÔN TẬP:

2. Chủ đề 2. Ứng dụng Tin học

Bài 9: Sơ đồ tư duy

Bài 10: Định dạng văn bản

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP.

Câu 1: Em hãy trình bày văn bản sau trên phần mềm Microsoft Word

NHỮNG LỢI ÍCH KHI SỬ DỤNG MÁY TÍNH

Lợi ích của máy tính là một phần không thể thiếu trong cuộc sống hiện đại.

1. Đối với công việc

Tăng hiệu quả làm việc văn phòng: soạn thảo, thuyết trình,...

Thiết kế đồ họa: logo, banner, website, infographic,....

Lập trình: để phát triển phần mềm, website, ứng dụng.

Làm việc tại nhà: hiệu quả, tiết kiệm thời gian và chi phí đi lại.

2. Đối với học tập

Tra cứu thông tin: dễ dàng tìm kiếm thông tin cho việc học tập, nghiên cứu.

Học tập trực tuyến: học ngoại ngữ, luyện thi, sách điện tử và các nguồn tài nguyên học tập khác để trau dồi kiến thức và nâng cao kỹ năng

Làm bài tập: hỗ trợ tính toán, vẽ đồ thị, tạo bài thuyết trình, giúp bạn hoàn thành bài tập hiệu quả.

Phát triển kỹ năng: kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp.

3. Đối với giải trí

Máy tính cho phép bạn xem phim, nghe nhạc, chơi game và tham gia các hoạt động giải trí khác.

Lướt web, đọc báo: cập nhật tin tức, đọc báo, tham gia mạng xã hội.

4. Những hạn chế khi sử dụng máy tính

Mặc dù máy tính mang lại nhiều lợi ích, nhưng việc sử dụng máy tính quá nhiều cũng có thể ảnh hưởng đến sức khỏe và tâm lý của bạn. Do đó, bạn nên sử dụng máy tính một cách hợp lý và khoa học để tận dụng tối đa lợi ích của nó.

Nguồn Internet

Yêu cầu:

- Font chữ: Times New Roman, cỡ chữ: 14
- Khô giấy: A4, hướng dọc
- Tiêu đề căn giữa, phân thân văn bản căn thẳng hai lề, nguồn thông tin căn thẳng lề phải
- Tiêu đề kiểu chữ in đậm, cuối văn bản chữ in đậm nghiêng

Câu 2: Em hãy sử dụng phần mềm sau để tạo sơ đồ tư duy về "những lợi ích khi sử dụng máy tính":

Yêu cầu

- Chủ đề chính nằm ở trung tâm.
- Ít nhất 4 nhánh chính với các chủ đề con.
- Mỗi nhánh có ít nhất 2 ý phụ.
- Màu sắc và biểu tượng minh họa phù hợp.
- Lưu sơ đồ tư duy theo cú pháp: "**HoTen_Lop_SoDoTuDuy**".